

Công bố Kết quả Cập nhật Xếp hạng Tín nhiệm Tổ chức phát hành

# FiinRatings giữ nguyên điểm Xếp hạng của Ngân hàng TMCP Bắc Á ở mức ‘A-’, triển vọng ‘Ổn định’

Hà Nội, ngày 01 tháng 04 năm 2025

## Cập nhật chính

- **Lợi nhuận trước thuế tăng trưởng tương đối tốt nhờ vào sự cải thiện trong thu nhập lãi thuần:** BAB ghi nhận lợi nhuận trước thuế đạt 1.260 tỷ đồng trong năm 2024, tăng 19% so với năm 2023 và vượt 15% kế hoạch kinh doanh Ngân hàng đề ra cho năm 2024. Sự cải thiện này đến từ sự phục hồi mạnh mẽ trong hoạt động cho vay lãi thuần (+39%). Tuy nhiên, hầu hết các nguồn thu ngoài lãi đều ghi nhận sự sụt giảm như mua bán chứng khoán đầu tư (-11%), lợi nhuận từ hoạt động khác (-93%) và hoạt động kinh doanh ngoại hối chuyển lãi thành lỗ.
- **Mặc dù tỷ lệ nợ xấu tăng mạnh nhưng vị thế rủi ro vẫn được duy trì ổn định nhờ công tác quản trị nhất quán và khẩu vị rủi ro thận trọng cùng với khả năng trả nợ của khách hàng đã được phục hồi:** BAB tiếp tục cho thấy sự ổn định trong việc quản trị rủi ro, với tỷ lệ bao phủ nợ xấu đạt 97,4% trong năm 2024 và cao hơn đáng kể so với mức trung bình ngành hiện nay ở mức 66,9%. Mặc dù tỷ lệ nợ xấu năm 2024 tăng 35% so với cuối năm 2023, tuy nhiên, BAB vẫn thuộc những ngân hàng có tỷ lệ nợ xấu thấp nhất ngành. Điều này một phần đến từ việc BAB đã cho thấy hiệu quả trong công tác thu hồi nợ, giúp tỷ lệ thu hồi nợ của BAB tăng mạnh, đạt 57% trong năm 2024 và cải thiện tỷ lệ nợ xấu từ mức 1,48% tại thời điểm 30/06/2024 về lại mức 1,24% tại 31/12/2024.
- **Hồ sơ nguồn vốn cho thấy sự cải thiện, thể hiện qua sự gia tăng nguồn vốn ổn định thời gian gần đây, cùng với tỷ lệ an toàn vốn (CAR) có những chuyển biến tích cực.** Mặc dù vẫn thuộc nhóm các ngân hàng có chỉ số CAR thấp trong ngành, tuy nhiên trong năm 2024, BAB đã cải thiện đáng kể tỷ lệ này từ mức 8,56% năm 2023 lên mức 11,19% trong năm 2024, phần lớn đến từ việc BAB đã phát hành thành công 3.500 tỷ đồng từ trái phiếu giúp bổ sung bộ đệm vốn của Ngân hàng. Bên cạnh đó, giai đoạn 2025-2026, BAB đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận cho tăng vốn điều lệ tối đa thêm 1.579 tỷ đồng. FiinRatings kỳ vọng việc tăng vốn này sẽ giúp cải thiện chỉ số CAR của Ngân hàng về mức trung bình ngành, từ đó củng cố nền tảng tài chính, gia tăng khả năng hoạt động tín dụng, đồng thời duy trì sự ổn định và phát triển lâu dài trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt của ngành ngân hàng.

## Công bố gần nhất: [Công bố kết quả XHTN Cập nhật Ngân hàng TMCP Bắc Á](#)

\* Đây là kết quả Xếp hạng Tín nhiệm dài hạn Nhà phát hành. Xếp hạng này thể hiện đánh giá của chúng tôi về mức độ tín nhiệm của doanh nghiệp với vai trò là nhà phát hành, và không bao gồm kết quả xếp hạng tín nhiệm một công cụ nợ cụ thể nào bao gồm trái phiếu có thể được phát hành bởi doanh nghiệp.

Thang điểm xếp hạng tín nhiệm của FiinRatings được xây dựng và áp dụng cho các doanh nghiệp tại Việt Nam và không có giá trị hoặc ý nghĩa tương đương với thang điểm xếp hạng của bất kỳ tổ chức xếp hạng tín nhiệm nào khác.

Kết quả xếp hạng tín nhiệm này có hiệu lực kể từ ngày công bố cho đến khi chúng tôi có những cập nhật ở lần công bố tiếp theo.

Bản công bố được soạn thảo bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh. Bản công bố tiếng Anh chỉ mang tính chất tham khảo và bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng trong trường hợp có bất kỳ sự không đồng nhất nào giữa bản tiếng Việt và tiếng Anh.

## Chuyên viên Phân tích

Nguyễn Nhật Hoàng, CFA

[hoang.nguyennhat@fiingroup.vn](mailto:hoang.nguyennhat@fiingroup.vn)

Nguyễn Phạm Thục Anh

[anh.nguyenphamthuc@fiingroup.vn](mailto:anh.nguyenphamthuc@fiingroup.vn)

## Hội đồng Xếp hạng Tín nhiệm

Nguyễn Anh Quân, MSc

[quan.nguyen@fiingroup.vn](mailto:quan.nguyen@fiingroup.vn)

Nguyễn Thị Lan, CFA

[lan.nguyenthi@fiingroup.vn](mailto:lan.nguyenthi@fiingroup.vn)

Nguyễn Tùng Anh, MSc

[anh.nguyen@fiingroup.vn](mailto:anh.nguyen@fiingroup.vn)

## Tóm tắt kết quả xếp hạng

Tên Công ty	Loại xếp hạng	Ngày công bố	Điểm XHTN	Triển vọng
<b>Ngân hàng TMCP Bắc Á</b>	<b>XHTN Nhà phát hành – Cập nhật</b>	<b>Ngày 01 Tháng 04 Năm 2025</b>	<b>A-</b>	<b>Ổn định</b>

**Phân loại ngành:** Tổ chức tài chính | Ngân hàng thương mại

**Đánh giá ngành:**

**Triển vọng Xếp hạng:** Triển vọng 'Ổn định' thể hiện quan điểm của chúng tôi về việc mức điểm xếp hạng tín nhiệm (XHTN) nhà phát hành đối với Ngân hàng sẽ duy trì trong 12-24 tháng tới.

**Kịch bản nâng điểm xếp hạng:** Chúng tôi có thể xem xét các yếu tố sau một cách độc lập hoặc đồng thời trong việc đánh giá nâng điểm xếp hạng tín nhiệm của BAB:

- Ngân hàng thành công trong việc mở rộng tập khách hàng, tăng trưởng tín dụng đạt mức trung bình hoặc cao hơn toàn hệ thống trong cùng giai đoạn và có khả năng duy trì mức tăng trưởng này mà không làm thay đổi vị thế rủi ro hiện tại; và
- Biên lãi ròng và mức đệm vốn, thể hiện qua tỷ lệ NIM và CAR được cải thiện về mức trung bình ngành, tương ứng với mức khoảng 3,4% NIM và 12% CAR; và
- Nguồn vốn huy động duy trì tính ổn định trong khi chi phí huy động được cải thiện đáng kể ngang mức huy động trung bình ngành khoảng 5-6%

**Kịch bản hạ điểm xếp hạng:** Chúng tôi có thể xem xét các yếu tố sau một cách độc lập hoặc đồng thời trong việc đánh giá hạ điểm XHTN của BAB:

- Vị thế kinh doanh của BAB có sự suy giảm (thể hiện qua thị phần) do không duy trì được tập khách hàng hiện hữu, tăng trưởng tín dụng yếu dần so với các năm trước; và/hoặc;
- Chất lượng tài sản suy yếu do Ngân hàng mở rộng, thay đổi chiến lược cho vay đến các ngành nghề rủi ro cao hoặc đầu tư đáng kể vào các tài sản thanh khoản thấp hoặc các khoản nợ tái cấu trúc tiếp tục tăng mạnh đi kèm với khả năng thu hồi nợ không khả quan. Chất lượng tài sản suy yếu làm tăng tỷ lệ nợ xấu và nợ cần chú ý một cách đáng kể; và/hoặc;
- Thanh khoản và huy động vốn gặp khó khăn thể hiện qua sự suy giảm các chỉ số quan trọng như tỷ lệ nguồn vốn ổn định, tỷ lệ tài sản thanh khoản cao, tỷ lệ cho vay trên tiền gửi; và
- Áp lực từ chi phí vốn tăng lên cao hơn, cùng với việc quản lý chi phí hoạt động tiếp tục kém hiệu quả hơn so với thời điểm hiện tại

**Tóm tắt kết quả:**

	Điểm XHTN - Gắn nhất	Điểm XHTN - Cập nhật
<b>Mốc xếp hạng ngành Ngân hàng</b>	<b>a-</b>	<b>a-</b>
<b>Các yếu tố điều chỉnh:</b>		
<i>Vị thế kinh doanh</i>	-1	-1
<i>Cơ cấu vốn và Khả năng sinh lời</i>	-1	-1
<i>Vị thế rủi ro</i>	+2	+2
<i>Huy động vốn và Thanh khoản</i>	+0	+0
<b>Điểm XHTN đơn lẻ</b>	<b>a-</b>	<b>a-</b>
<b>Yếu tố hỗ trợ</b>	<b>+0</b>	<b>+0</b>
<b>XHTN đơn vị phát hành</b>	<b>A-</b>	<b>A-</b>
<b>Triển vọng Xếp hạng</b>	<b>Ổn định</b>	<b>Ổn định</b>

**Tóm tắt cơ sở ý kiến xếp hạng tín nhiệm:**

- FiinRatings giữ nguyên mức điểm xếp hạng của BAB ở mức 'A-' với triển vọng 'Ổn định', phản ánh quan điểm về hồ sơ tín dụng của Ngân hàng sẽ duy trì ổn định trong 12-24 tháng tới, nhờ vào những nỗ lực của Ngân hàng trong việc củng cố tỷ lệ an toàn vốn, đồng thời, vị thế kinh doanh và khả năng sinh lời của BAB vẫn duy trì được độ ổn định qua các kịch bản kiểm tra khả năng chống chịu. Ngoài ra, chúng tôi kỳ vọng Ngân hàng sẽ tiếp tục duy trì ổn định quản trị rủi ro vững chắc trước những áp lực nhất định về chất lượng tài sản. Bên cạnh đó, khả năng huy động vốn của BAB vẫn ổn định nhờ nguồn tiền gửi của khách hàng cá nhân, giúp thanh khoản của Ngân hàng được đảm bảo trong các kịch bản kiểm tra sức chịu đựng.
- Vị thế kinh doanh của BAB tiếp tục duy trì ở mức 'Trung bình'** phản ánh việc BAB vẫn đang duy trì quy mô và mức độ đa dạng kinh doanh còn khá khiêm tốn trong nhóm ngân hàng TMCP tư nhân hàng đầu Việt Nam với mức độ ổn định cao, được hỗ trợ bởi công tác quản lý và định hướng kinh doanh tương đối thận trọng. Mặc dù trong năm 2024, tổng tài sản của BAB tăng 8,7%, đạt mức 165 nghìn tỷ đồng, tuy nhiên, Ngân hàng vẫn chưa thể gia tăng thêm thị phần khi Tổng tài sản, Tiền gửi khách hàng và Dư nợ cho vay khách hàng đều được duy trì ổn định khoảng 0,9-1,0% thị phần toàn ngành. Ngoài ra, BAB chưa có nhiều cải thiện về mức độ đa dạng kinh doanh do vẫn phụ thuộc chủ yếu vào thu nhập từ hoạt động tín dụng và chưa có kế hoạch tăng tỷ trọng thu nhập ngoài lãi đáng kể trong năm 2025.
- Cơ cấu vốn và khả năng sinh lời của BAB cho thấy sự cải thiện nhẹ**, thể hiện qua sự gia tăng của chỉ số NIM từ mức 1,8% năm 2023 lên mức 2,2% năm 2024. Thành quả này có được nhờ vào sự thay đổi đáng kể trong cơ cấu vốn của Ngân hàng, khi tỷ trọng tiền gửi kỳ hạn dưới 1 năm tăng mạnh. Bên cạnh đó, Ngân hàng đã huy động thành công vốn thông qua việc phát hành trái phiếu dài hạn. Mặc dù đã có sự cải thiện, tuy nhiên, khả năng sinh lời của BAB vẫn nằm ở mức thấp hơn so với trung bình ngành do chi phí huy động tiếp tục duy trì ở mức cao, đến từ việc nguồn vốn trung và dài hạn vẫn còn chiếm tỷ trọng lớn và hiệu quả quản lý chi phí hoạt động chưa tối ưu so với các ngân hàng trong hệ thống. Đáng chú ý, BAB đã có nỗ lực đáng kể khi nâng tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu ('CAR') từ 8,5% năm 2023 lên mức 11,2% năm 2024 nhưng vẫn thuộc nhóm ngân hàng có tỷ lệ thấp hơn so với trung bình ngành.
- Vị thế rủi ro tiếp tục là điểm mạnh tín dụng chính của BAB**, được thể hiện qua sự đồng nhất quản và rõ ràng trong công tác quản trị rủi ro, kết hợp với việc duy trì khẩu vị rủi ro thận trọng, hướng đến tập khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp có mức độ rủi ro tương đối thấp. Kinh nghiệm và lịch sử về quản lý chất lượng tài sản của BAB cũng luôn ở mức tốt và thận trọng hơn so với trung bình ngành, cùng với mức độ rủi ro tiềm ẩn được đánh giá thấp hơn so với ngành ngân hàng do mô hình kinh doanh tương đối đơn giản và tập trung vào cho vay lĩnh vực có mức độ rủi ro thấp. Mặc dù vào giữa năm 2024, tỷ lệ nợ xấu của BAB đã tăng lên 1,48%, từ mức 0,9% trong năm 2023, nhưng đã có sự giảm về cuối năm, đạt 1,24%. BAB tiếp tục duy trì mức tỷ lệ nợ xấu thuộc nhóm thấp nhất trong ngành (trung vị ngành là 2,3%).
- Hồ sơ nguồn vốn và thanh khoản của BAB được duy trì ở mức 'Phù hợp'** nhờ vào sự gia tăng ổn định nguồn vốn trong thời gian gần đây. Ngân hàng kỳ vọng sẽ tiếp tục hưởng lợi từ sự gắn bó cao của tập khách hàng bán lẻ cùng với các chuỗi giá trị và hệ sinh thái điển hình của Ngân hàng. Tỷ lệ nguồn vốn ổn định của BAB có xu hướng tăng trong năm 2024 và đạt mức 98,5%, duy trì ở tiệm cận trung bình ngành là 99,1%. Cùng với đó, tỷ lệ tài sản thanh khoản cao trên vốn bán buôn ngắn hạn tiếp tục duy trì ở mức cao, trên 1 lần. Với tình hình thanh khoản tốt, tiền gửi khách hàng ổn định kết hợp với các chính sách giảm lãi suất mạnh từ quý 2/2023 đến nay, chi phí vốn năm 2025 của BAB được kỳ vọng sẽ giảm dần về ngưỡng tiệm cận trung bình ngành.

**Bảng biểu 01: Các chỉ số chính của BAB (2020-2024)**

Các chỉ số chính	Đơn vị	2020	2021	2022	2023	2024
Tổng tài sản	Tỷ VNĐ	117.189	119.792	128.794	152.243	165.487
Dư nợ cho vay khách hàng (bao gồm dư nợ trái phiếu)	Tỷ VNĐ	79.440	84.598	94.121	99.854	112.219
Tiền gửi khách hàng	Tỷ VNĐ	86.442	93.440	96.905	118.477	122.550
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) công bố	%	8,4%	9,2%	9,0%	8,6%	11,10%
Tỷ lệ vốn cấp 1 / Tổng tài sản (FiinRatings điều chỉnh)	%	7,1%	7,6%	7,6%	7,1%	6,5%
Biên lãi ròng (NIM)	%	1,9%	1,9%	2,1%	1,8%	2,2%
Tỉ suất lợi nhuận trên Tổng tài sản (ROA)	%	0,5%	0,6%	0,7%	0,6%	0,7%
Tỷ lệ Nợ xấu (NPL)	%	0,8%	0,8%	0,5%	0,9%	1,2%
Tỉ lệ bao phủ nợ xấu	%	130,9%	161,8%	203,8%	131,0%	97,4%
Tỉ lệ nguồn vốn ổn định (FiinRatings điều chỉnh)	%	105,5%	102,6%	104,1%	102,7%	120,8%
Tài sản có tính thanh khoản cao/ Nguồn vốn bán buôn ngắn hạn	%	223,5%	463,7%	222,9%	394,0%	144,8%

Nguồn: FiinRatings, BAB

## Kịch bản dự phóng

### Các giả định chính

**Bảng biểu 02: Các giả định chính của BAB trong kịch bản cơ sở**

Các yếu tố giả định	Kịch bản cơ sở
<b>Tăng trưởng tín dụng 2025-2026</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tăng trưởng tín dụng của BAB đạt 9,25% trong năm 2024, gần như mức tăng trưởng kép 5 năm gần đây. Trong năm 2025, tăng trưởng tín dụng của BAB kế hoạch đạt khoảng 11%.</li> <li>Động lực chính cho tăng trưởng tín dụng cho năm 2025 được giả định đến từ tiếp tục mở rộng cho vay tập KHCN (hiện chiếm khoảng 70% danh mục vay), các dự án năng lượng, xây lắp, viễn thông đang đàm phán, mở rộng tập KH ở lĩnh vực nông nghiệp, chế biến ở các tỉnh miền Trung-Tây Nguyên và Đồng bằng sông Cửu Long.</li> </ul>
<b>Chất lượng tài sản 2025-2026</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tỷ lệ nợ xấu (NPL) dự báo ổn định và luôn được kiểm soát dưới mức 1,5% và tỷ lệ nợ có vấn đề duy trì ở mức 1,8%-2,3% trong giai đoạn 2025-2026.</li> <li>Chi phí tín dụng dự báo sẽ tăng theo tỷ lệ nợ xấu và ước tính ở mức khoảng 1,3%-1,4%;</li> <li>Tỷ lệ dự phòng bao phủ nợ xấu dự kiến sẽ duy trì ở mức 95%, vẫn dưới mức 100% trong năm 2025</li> </ul>
<b>Nguồn vốn 2025-2026</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Trong năm 2025, tổng mức tiền gửi khách hàng được chúng tôi giả định tăng với tốc độ 6,5%, đạt 135 nghìn tỷ VNĐ theo kế hoạch của BAB.</li> <li>Chúng tôi cũng dự phóng giá trị giấy tờ có giá phát hành sẽ được giảm bớt sau khi tăng mạnh trong năm 2024, duy trì tỷ lệ khoảng dưới 10% tổng nguồn vốn.</li> <li>Nguồn vốn còn lại được giả định bổ sung từ nguồn vốn liên ngân hàng.</li> <li>Chi phí huy động vốn bình quân trong năm 2025 dự kiến sẽ giữ ở mức ổn định là 5,8% so với mức nền thấp của năm 2024, và có thể tăng trở lại theo đà tăng môi trường lãi suất trong tương lai.</li> </ul>
<b>Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ 2025-2026</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Trong năm 2025, Ngân hàng tích cực triển khai đẩy mạnh các hoạt động dịch vụ, đặc biệt là dịch vụ thẻ tín dụng quốc tế và FiinRatings dự đoán chiến lược cho vay của BAB vẫn được giữ vững và sẽ không có thể không có thay đổi đáng kể trong hệ sinh thái dịch vụ.</li> <li>Tuy nhiên trong môi trường lãi suất đang giảm từ cuối năm 2024, chúng tôi dự kiến tỷ suất sinh lời từ thu nhập lãi cho năm 2025 vẫn giữ ổn định vào khoảng 7,5%.</li> </ul>
<b>Tỷ lệ chi phí hoạt động trên thu nhập (CIR)</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tỷ lệ CIR được giả định duy trì ổn định quanh mức 60% trong giai đoạn 2025-2026, mức trung bình trong 3 năm qua. Tuy nhiên, chúng tôi đánh giá việc Ngân hàng tiến hành chuyển đổi số để tối ưu hiệu quả hoạt động sẽ là động lực để xem xét giảm dần tỷ lệ chi phí hoạt động trong thời gian tới.</li> </ul>

**Bảng biểu 03: Các chỉ số chính của BAB trong kịch bản cơ sở**

Các chỉ số chính	Đơn vị	2022A	2023A	2024A	Kịch bản cơ sở 2025F
<i>-- Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 --</i>					
Tỷ lệ tăng trưởng tín dụng (gồm trái phiếu doanh nghiệp)	%	12,7%	5,0%	9,2%	11,0%
Tăng trưởng tiền gửi khách hàng	%	3,7%	22,3%	3,4%	6,5%
LDR (Loan-to-Deposit) điều chỉnh	%	88,9%	78,6%	78,1%	88,5%
Thu nhập lãi ròng / Tổng thu nhập hoạt động	%	87,6%	78,4%	90,7%	89,1%
Thu nhập ngoài lãi / Tổng thu nhập hoạt động	%	3,2%	3,4%	2,9%	2,7%
Tỷ lệ vốn chủ sở hữu / Tổng tài sản	%	7,6%	7,1%	7,1%	7,7%
Thu nhập lãi ròng / Tài sản sinh lời bình quân (NIM)	%	2,1%	1,8%	2,2%	2,3%
Tỷ lệ chi phí hoạt động trên thu nhập (CIR)	%	59,9%	60,2%	61,4%	60,5%
Thu nhập hoạt động trước dự phóng / Tổng tài sản bình quân	%	0,9%	0,9%	0,9%	1,0%
Tỷ suất lợi nhuận trên Tổng tài sản (ROA)	%	0,6%	0,6%	0,6%	0,6%
Tỷ suất lợi nhuận trên Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	8,5%	7,9%	8,6%	7,8%
Tỷ lệ nợ xấu (NPL)	%	0,5%	0,9%	1,2%	1,4%
Tỷ lệ nợ có vấn đề	%	1,2%	1,9%	1,6%	1,8%
Chi phí dự phòng / Dư nợ cho vay khách hàng bình quân	%	0,1%	0,2%	0,1%	0,3%
Tỷ lệ dự phòng bao phủ nợ xấu	%	203,8%	131,0%	97,4%	94,0%
Chi phí vốn bình quân	%	7,1%	8,8%	6,0%	5,8%

Nguồn: FiinRatings, BAB

Ghi chú: A – thực tế, F – dự phóng

## Phương pháp luận xếp hạng tín nhiệm

Phương pháp luận xếp hạng tín nhiệm giải thích cách tiếp cận của FiinRatings để đánh giá rủi ro tín dụng của các doanh nghiệp tại Việt Nam. Phương pháp luận này nhằm mục đích giúp các công ty, nhà đầu tư và những thành viên thị trường khác hiểu cách thức và các tiêu chí định lượng cũng như định tính quan trọng mà chúng tôi xem xét trong việc giải thích kết quả xếp hạng tín nhiệm nói chung, và đối với từng ngành cụ thể mà chúng tôi thực hiện.

Ngoài ra, một số thuật ngữ được sử dụng trong báo cáo này, đặc biệt là một số từ chuyên ngành được sử dụng để thể hiện quan điểm của chúng tôi về xếp hạng các yếu tố liên quan, có ý nghĩa cụ thể được nêu trong các tiêu chí của chúng tôi, do đó nên được đọc cùng với các tiêu chí đó. Vui lòng xem các Phương pháp xếp hạng và tiêu chí liên quan theo đường dẫn dưới đây:

- [Phương pháp luận xếp hạng tín nhiệm cho ngân hàng](#)

Hoặc tham khảo đường dẫn sau để biết thêm chi tiết về phương pháp luận xếp hạng chung:

- [Phương pháp luận chung Xếp hạng Tín nhiệm](#)

## Lịch sử Xếp hạng tín nhiệm

### Lịch sử Xếp hạng tín nhiệm

#### Ngân hàng TMCP Bắc Á

Lịch sử Xếp hạng tín nhiệm nhà phát hành

Ngày 01 tháng 04 năm 2024	Xếp hạng tín nhiệm lần đầu	Kết quả Xếp hạng: <b>A-</b> Triển vọng: <b>Ổn định</b>
Ngày 01 tháng 10 năm 2024	Cập nhật xếp hạng tín nhiệm	Kết quả Xếp hạng: <b>A-</b> Triển vọng: <b>Ổn định</b>
Ngày 01 tháng 04 năm 2025	Cập nhật xếp hạng tín nhiệm	Kết quả Xếp hạng: <b>A-</b> Triển vọng: <b>Ổn định</b>

## Kê khai thông tin về sở hữu liên quan

Tại thời điểm công bố báo cáo, thông tin kê khai sau đây được thực hiện theo quy định hiện hành và nhằm thể hiện sự tuân thủ trong việc thực hiện và công bố kết quả xếp hạng tín nhiệm:

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần tại FiinRatings của BAB: *không có*
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần tại BAB của FiinRatings: *không có*
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần tại BAB của các nhân viên khác của FiinRatings: *không có*
- Giá trị trái phiếu của FiinRatings sở hữu bởi BAB: *không có*
- Giá trị trái phiếu của BAB sở hữu bởi FiinRatings: *không có*
- Giá trị các công cụ nợ khác của FiinRatings sở hữu bởi BAB: *không có*
- Giá trị các công cụ nợ khác của BAB sở hữu bởi FiinRatings: *không có*

FiinRatings được đề cập ở trên bao gồm Công ty Cổ phần FiinRatings, thành viên ban giám đốc, thành viên hội đồng xếp hạng tín nhiệm, các nhân sự của FiinRatings tham gia hoạt động xếp hạng tín nhiệm này. Số liệu trên được rà soát kể từ ngày chính thức ký Hợp đồng xếp hạng tín nhiệm với Công ty và cập nhật đến ngày phát hành báo cáo này.

FiinRatings duy trì một chính sách độc lập nghiêm ngặt đối nhằm đáp ứng các quy định hiện hành trong việc cung cấp dịch vụ xếp hạng tín nhiệm tại Việt Nam cũng như nhằm tuân thủ các chính sách nội bộ về tránh mâu thuẫn lợi ích và đảm bảo tính khách quan và độc lập trong việc phân tích và đưa ra ý kiến xếp hạng tín nhiệm. Theo đó, các nhân sự trực tiếp tham gia xếp hạng tín nhiệm không được phép sở hữu và thực hiện bất kỳ giao dịch nào đối với chứng khoán, cổ phần hay công cụ nợ của đơn vị được xếp hạng tín nhiệm khi FiinRatings đã thiết lập mối quan hệ xếp hạng tín nhiệm.

### Công ty Cổ phần FiinRatings

Báo cáo Kết quả Xếp hạng Tín nhiệm số: 03-C31-2025



Nguyễn Quang Thuân, FCCA

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 01 tháng 04 năm 2025

## Phụ lục

### Phụ lục 1: Tóm tắt báo cáo tài chính của BAB

Bảng cân đối kế toán (Tỷ đồng)	2020	2021	2022	2023	2024
<b>Tài sản</b>					
Tiền mặt, vàng	639	650	712	617	567
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	730	1.023	786	887	798
Tiền gửi và cấp tín dụng cho các tổ chức tín dụng (thuần)	12.379	10.596	11.895	15.363	16.024
Chứng khoán kinh doanh (thuần)	7.837	8.528	4.768	20.993	24.600
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	10	5	103	-	184
Cho vay khách hàng (thuần)	78.619	83.538	93.073	98.654	108.228
<i>Cho vay khách hàng (gộp)</i>	<i>79.440</i>	<i>84.598</i>	<i>94.121</i>	<i>99.854</i>	<i>109.553</i>
<i>Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng</i>	<i>(822)</i>	<i>(1.060)</i>	<i>(1.047)</i>	<i>(1.200)</i>	<i>(1.324)</i>
Hoạt động mua nợ	-	-	-	-	-
Chứng khoán đầu tư (thuần)	13.219	11.866	12.948	10.549	9.381
Góp vốn, đầu tư dài hạn	194	147	143	143	146
Tài sản cố định	726	759	761	1.053	1.059
Bất động sản đầu tư	4	14	4	4	4
Tài sản Có khác	2.834	2.665	3.599	3.982	4.497
<b>Tổng tài sản</b>	<b>117.189</b>	<b>119.792</b>	<b>128.794</b>	<b>152.243</b>	<b>165.487</b>
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	148	96	53	24	8
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	13.232	9.087	11.090	11.159	11.881
Tiền gửi khách hàng	86.442	93.440	96.905	118.477	122.550
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	-	97	-
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	3	4	3	10	26
Phát hành giấy tờ có giá	5.890	5.314	7.838	7.062	16.021
Các khoản nợ khác	3.111	2.801	3.105	4.546	3.220
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>108.826</b>	<b>110.741</b>	<b>118.993</b>	<b>141.375</b>	<b>153.704</b>
Vốn	7.092	7.539	8.141	8.442	9.067
Các quỹ	598	686	795	919	1.045
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	673	826	864	1.508	1.670
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-
<b>Tổng vốn chủ sở hữu</b>	<b>8.364</b>	<b>9.051</b>	<b>9.800</b>	<b>10.868</b>	<b>11.782</b>
<b>Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu</b>	<b>117.189</b>	<b>119.792</b>	<b>128.794</b>	<b>152.243</b>	<b>165.487</b>
<b>Báo cáo kết quả kinh doanh (tỷ đồng)</b>	<b>2020</b>	<b>2021</b>	<b>2022</b>	<b>2023</b>	<b>2024</b>
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	9.825	9.459	10.342	13.384	11.812
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(7.794)	(7.342)	(7.829)	(10.995)	(8.491)
<b>Thu nhập lãi thuần</b>	<b>2.031</b>	<b>2.117</b>	<b>2.513</b>	<b>2.389</b>	<b>3.321</b>
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	91	90	127	138	150
Chi phí từ hoạt động dịch vụ	(31)	(25)	(36)	(33)	(44)
<b>Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ</b>	<b>60</b>	<b>65</b>	<b>91</b>	<b>105</b>	<b>106</b>
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối và vàng	24	30	52	115	(68)
Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	-	-	-	-	-
Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	47	169	107	320	284
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác	65	81	97	90	6
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	3	2	7	28	13
<b>Lợi nhuận hoạt động</b>	<b>2.230</b>	<b>2.464</b>	<b>2.868</b>	<b>3.046</b>	<b>3.661</b>
Chi phí hoạt động	(1.240)	(1.312)	(1.716)	(1.833)	(2.249)
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>	<b>989</b>	<b>1.152</b>	<b>1.151</b>	<b>1.213</b>	<b>1.412</b>
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(254)	(244)	(112)	(153)	(151)
<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>	<b>735</b>	<b>908</b>	<b>1.039</b>	<b>1.061</b>	<b>1.260</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	(147)	(182)	(206)	(206)	(249)
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>588</b>	<b>726</b>	<b>833</b>	<b>854</b>	<b>1.011</b>

Nguồn: FiinRatings, BAB

## Phụ lục 2: Các chỉ số chính của BAB

Các chỉ số chính	Đơn vị	2020	2021	2022	2023	2024
<b>Vị thế kinh doanh</b>						
Tổng tài sản	Tỷ đồng	117.189	119.792	128.794	152.243	165.487
Dư nợ cho vay gộp	Tỷ đồng	79.440	84.598	94.121	99.854	109.553
Tiền gửi khách hàng	Tỷ đồng	86.442	93.440	96.905	118.477	122.550
Lợi nhuận hoạt động	Tỷ đồng	2.230	2.464	2.868	3.046	3.661
Thu nhập dịch vụ/ thu nhập hoạt động	%	2,7%	2,6%	3,2%	3,4%	2,9%
<b>Cơ cấu vốn, Đòn bẩy, và Khả năng sinh lời</b>						
Tỷ lệ vốn cấp 1/ tổng tài sản	%	7,1%	7,6%	7,6%	7,1%	6,5%
Tỷ lệ an toàn vốn CAR	%	8,4%	9,2%	9,0%	8,6%	11,1%
Biên lãi ròng	%	1,9%	1,9%	2,1%	1,8%	2,2%
Lợi nhuận trên tài sản trung bình	%	0,5%	0,6%	0,7%	0,6%	0,7%
Số ngày lãi và phí phải thu	ngày	109	107	91	94	116
<b>Vị thế rủi ro</b>						
Tỷ lệ nợ xấu điều chỉnh	%	0,8%	0,8%	0,5%	0,9%	1,2%
Tỷ lệ nợ có vấn đề (nợ xấu + Nợ cần chú ý) điều chỉnh	%	0,8%	1,0%	1,2%	1,9%	1,6%
Tỷ lệ bao phủ nợ xấu	%	131%	162%	204%	131%	97,4%
Tỷ lệ bao phủ nợ có vấn đề	%	122%	131%	93%	65%	75,7%
Tỷ lệ xóa sổ nợ rỗng/ Dư nợ cho vay trung bình	%	0,5%	-0,2%	-0,03%	-0,09%	0,01%
<b>Nguồn vốn và tính thanh khoản</b>						
Tỷ lệ cho vay/ tiền gửi được điều chỉnh	%	85,2%	84,7%	88,9%	78,7%	78,1%
Vốn bán buôn/ tổng nợ phải trả	%	17,7%	13,1%	16,0%	12,9%	18,2%
Vốn bán buôn ngắn hạn/ nền vốn	%	12,7%	4,5%	9,3%	7,9%	9,7%
Tỷ lệ chi phí huy động vốn bình quân	%	7,8%	7,2%	7,1%	8,8%	6,0%
Tỷ lệ thanh khoản cao/ Nguồn vốn bán buôn ngắn hạn	%	223,5%	463,7%	222,9%	394,0%	93,8%
Tỷ lệ nguồn vốn ổn định	%	105,5%	102,6%	104,1%	102,7%	120,8%

Nguồn: FiinRatings, BAB

## Phụ lục 3: Khái niệm và định nghĩa các chỉ số tài chính

Chỉ số	Công thức
Tỷ lệ nợ có vấn đề	<b>Từ số:</b> Dư nợ cho vay khách hàng cần chú ý + Dư nợ cho vay khách hàng dưới chuẩn + Dư nợ cho vay khách hàng nghi ngờ + Dư nợ cho vay khách hàng có khả năng mất vốn + trái phiếu VAMC <b>Mẫu số:</b> Dư nợ cho vay khách hàng gộp + trái phiếu VAMC
Tỷ lệ nợ xấu điều chỉnh	<b>Từ số:</b> Dư nợ cho vay khách hàng dưới chuẩn + Dư nợ cho vay khách hàng nghi ngờ + Dư nợ cho vay khách hàng có khả năng mất vốn + trái phiếu VAMC <b>Mẫu số:</b> Dư nợ cho vay khách hàng gộp + trái phiếu VAMC
Chi phí vốn bình quân	<b>Từ số:</b> Chi phí lãi và các chi phí tương tự <b>Mẫu số:</b> Trung bình các khoản nợ phải trả (gồm: Tiền gửi và vay chính phủ và NHNN + Tiền gửi và vay tổ chức tín dụng khác + Tiền gửi của khách hàng + Công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác + Vay Chính phủ, quốc tế và các tổ chức khác + Phát hành giấy tờ có giá)
Tài sản thanh khoản cao/ Vốn bán buôn ngắn hạn	<b>Từ số:</b> Tài sản thanh khoản cao = Tiền + Các khoản vay liên ngân hàng ngắn hạn và reverse repo + Danh mục chứng khoán điều chỉnh loại trừ nhóm có thanh khoản kém – Ước tính mức tiền mặt bị khóa) <b>Mẫu số:</b> Vốn bán buôn ngắn hạn
Biến động CASA	<b>Từ số:</b> Độ lệch chuẩn của tỷ lệ CASA trong 1 thời kỳ <b>Mẫu số:</b> Tỷ lệ CASA trung bình trong thời kỳ trên
Tỷ lệ vốn cấp 1 trên tổng tài sản	<b>Từ số:</b> Vốn góp + Vốn của tổ chức tín dụng + Vốn xây dựng cơ bản + Chênh lệch tỷ giá hối đoái + Thặng dư vốn cổ phần + Lợi nhuận chưa phân phối - Lợi thế thương mại - Cổ phiếu quỹ <b>Mẫu số:</b> Tổng tài sản
Tỷ lệ chi phí trên thu nhập (CIR)	Chi phí quản lý doanh nghiệp/ Tổng thu nhập hoạt động
Biến động tăng trưởng tiền gửi khách hàng	<b>Từ số:</b> Độ lệch chuẩn của tăng trưởng tiền gửi khách hàng trong kỳ <b>Mẫu số:</b> Tăng trưởng tiền gửi trung bình của khách hàng trong giai đoạn nói trên
Tỷ lệ CASA ước tính	<b>Từ số:</b> Tiền gửi thanh toán + Tiền gửi ký quỹ + Tiền gửi cho những mục đích riêng biệt <b>Mẫu số:</b> Tiền gửi của khách hàng + Phát hành trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ tiền gửi, và giấy tờ có giá khác
Số ngày lãi và phí phải thu	<b>Từ số:</b> Bình quân lãi và phí phải thu dồn tích <b>Mẫu số:</b> (Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự + Thu nhập dịch vụ)/365
Tài sản thanh khoản cao/ Tổng nợ phải trả	<b>Từ số:</b> Tài sản thanh khoản = Tiền và các khoản tương đương tiền + Tiền gửi tại NHNN + Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác + Trái phiếu Chính phủ và trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh <b>Mẫu số:</b> Tổng nợ phải trả
Tỷ lệ vốn dài hạn	<b>Từ số:</b> Vốn ổn định có sẵn <b>Mẫu số:</b> Tổng vốn chủ sở hữu + Nền vốn
Biên lãi ròng (NIM)	<b>Từ số:</b> Thu nhập lãi ròng <b>Mẫu số:</b> Tài sản sinh lãi bình quân (trong đó, Tài sản sinh lãi = Dư nợ cho vay gộp + Tiền gửi tại NHNN + Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác + Hoạt động mua nợ + Chứng khoán kinh doanh + Chứng khoán sẵn sàng để bán + Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn)
Tỷ lệ xóa sổ nợ ròng/ Dư nợ cho vay trung bình	<b>Từ số:</b> Tăng/(giảm) dự phòng rủi ro cho vay + Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý, xóa <b>Mẫu số:</b> Bình quân dư nợ cho vay gộp
Tỷ lệ bao phủ nợ có vấn đề	<b>Từ số:</b> Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng + Dự phòng trái phiếu VAMC <b>Mẫu số:</b> Nợ cần chú ý + Nợ dưới chuẩn + Nợ nghi ngờ + Nợ có khả năng mất vốn + trái phiếu VAMC
Tỷ lệ nợ có vấn đề	(Nợ xấu + Nợ cần chú ý) / (Dư nợ cho vay gộp + trái phiếu VAMC)
Tỷ lệ bao phủ nợ xấu	<b>Từ số:</b> Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng + Dự phòng trái phiếu VAMC <b>Mẫu số:</b> Dư nợ cho vay khách hàng dưới chuẩn + Dư nợ cho vay khách hàng nghi ngờ + Dư nợ cho vay khách hàng có khả năng mất vốn + trái phiếu VAMC
Lợi nhuận trên tổng tài sản	Lợi nhuận sau thuế/ Bình quân tổng tài sản
Lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế/ Bình quân vốn chủ sở hữu
Tài sản có rủi ro (RWA)	Tài sản nội hoặc ngoại bảng với tỷ trọng đặt theo mức rủi ro
Vốn bán buôn ngắn hạn/ Tổng nguồn vốn huy động	<b>Từ số:</b> Vốn ngắn hạn từ Chính phủ và NHNN + Vốn ngắn hạn từ thị trường liên ngân hàng và thị trường nợ + Phát hành giấy tờ có giá ngắn hạn <b>Mẫu số:</b> Tổng nguồn vốn huy động = Tiền gửi khách hàng được điều chỉnh + Vốn vay và nợ liên ngân hàng + Các khoản nợ khác
Vốn bán buôn ngắn hạn/ Tổng nguồn vốn bán buôn	<b>Từ số:</b> Vốn ngắn hạn từ Chính phủ và NHNN + Vốn ngắn hạn từ thị trường liên ngân hàng và thị trường nợ + Phát hành giấy tờ có giá ngắn hạn <b>Mẫu số:</b> Tổng nguồn vốn bán buôn = Tổng nguồn vốn huy động – Tiền gửi khách hàng
Tỷ lệ nguồn vốn ổn định	<b>Từ số:</b> Nguồn vốn ổn định sẵn có = Tiền gửi của khách hàng điều chỉnh + Vốn chủ sở hữu hình + Vốn thị trường nợ và vốn vay liên ngân hàng dài hạn <b>Mẫu số:</b> Nhu cầu sử dụng nguồn vốn ổn định = Cho vay khách hàng và cho vay liên ngân hàng dài hạn + Danh mục chứng khoán có rủi ro và thanh khoản kém + Ước tính mức tiền mặt bị khóa+ Tài sản khác + 5%* Các khoản tương đương tín dụng ngoại bảng
Vốn bán buôn/ Tổng nợ phải trả	<b>Từ số:</b> Tiền gửi và vay Chính phủ và NHNN + Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác + Phát hành giấy tờ có giá + Công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác <b>Mẫu số:</b> Tổng nợ phải trả



## Phụ lục 4: Thang điểm xếp hạng tín nhiệm

Chúng tôi sử dụng thang điểm xếp hạng dưới để xác định điểm xếp hạng tín nhiệm cho tất cả các doanh nghiệp phát hành trong các ngành và lĩnh vực mà chúng tôi xếp hạng tại Việt Nam. Thang điểm này được xây dựng và áp dụng bởi FiinRatings và không có giá trị hoặc ý nghĩa tương đương với thang điểm xếp hạng của bất kỳ tổ chức xếp hạng tín nhiệm nào khác.

Định nghĩa và giải thích	Thang điểm xếp hạng
<i>Nhóm 1:</i> Năng lực đáp ứng nghĩa vụ tài chính <b>Tốt Nhất</b>	AAA
	AA+
<i>Nhóm 2:</i> Năng lực đáp ứng nghĩa vụ tài chính <b>Rất Tốt</b>	AA
	AA-
<i>Nhóm 3:</i> Năng lực đáp ứng nghĩa vụ tài chính <b>Tốt</b> nhưng có thể bị ảnh hưởng bởi điều kiện kinh tế bất lợi và thay đổi hoàn cảnh	A+
	A
	A-
<i>Nhóm 4:</i> Năng lực <b>Tương đối tốt</b> để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính nhưng dễ bị ảnh hưởng hơn trước các diễn biến bất lợi của nền kinh tế	BBB+
	BBB
	BBB-
<i>Nhóm 5:</i> Khả năng đáp ứng các nghĩa vụ tài chính <b>Vừa Phải</b>	BB+
	BB
<i>Nhóm 6:</i> Năng lực đáp ứng nghĩa vụ tài chính <b>Yếu</b> . Nhạy cảm với các điều kiện kinh doanh, tài chính và kinh tế. Rủi ro cao.	BB-
	B+
	B
<i>Nhóm 7:</i> Khả năng đáp ứng nghĩa vụ tài chính <b>Rất Yếu</b> và khả năng vỡ nợ cao. Rất nhạy cảm với các điều kiện kinh doanh, tài chính và kinh tế. Rủi ro rất cao.	B-
	CCC+
	CCC
	CCC-
<i>Nhóm 8:</i> Mức <b>Vỡ nợ</b> . Không thanh toán các nghĩa vụ nợ đúng hạn hoặc mất khả năng thanh	CC
	C
	SD, D

## Tuyên bố miễn trách nhiệm và bản quyền

Không nội dung nào (bao gồm xếp hạng, phân tích liên quan đến tín dụng và dữ liệu, định giá, mô hình, phần mềm hoặc ứng dụng hoặc sản phẩm khác) hoặc bất kỳ phần nào trong đó (Nội dung) có thể được sửa đổi, thiết kế ngược, sao chép hoặc phân phối dưới bất kỳ hình thức nào bằng bất kỳ phương tiện nào, hoặc được lưu trữ trong cơ sở dữ liệu hoặc hệ thống truy xuất, mà không có sự cho phép trước bằng văn bản của FiinRatings.

Nội dung trong báo cáo này sẽ không được sử dụng cho bất kỳ mục đích bất hợp pháp hoặc trái phép nào. FiinRatings cũng như các giám đốc, quản lý, nhân viên hoặc đại lý (gọi chung là Bên FiinRatings) không đảm bảo tính chính xác, đầy đủ, kịp thời hoặc sẵn có của Nội dung. Bên FiinRatings không chịu trách nhiệm về bất kỳ sai sót hoặc thiếu sót nào (do sơ suất hoặc nguyên nhân khác), bất kể nguyên nhân là gì, đối với kết quả thu được từ việc sử dụng Nội dung này, hoặc về bảo mật hoặc duy trì bất kỳ dữ liệu đầu vào nào của người dùng. Nội dung được cung cấp trên cơ sở "nguyên trạng". **BÊN FIINRATINGS TỪ CHỐI BẤT KỲ VÀ TẤT CẢ CÁC BẢO ĐẢM TRỰC TIẾP HOẶC GIÁN TIẾP, BAO GỒM, NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN ĐỐI VỚI BẤT KỲ BẢO ĐẢM NÀO VỀ TÍNH KHẢ DỤNG HOẶC TÍNH PHÙ HỢP VỚI MỤC ĐÍCH CỤ THỂ HOẶC ỨNG DỤNG NỘI DUNG.** Trong mọi trường hợp, các bên FiinRatings sẽ không chịu trách nhiệm với bất kỳ bên nào về bất kỳ thiệt hại trực tiếp, gián tiếp, cũng như về các hậu quả, chi phí, phí pháp lý hoặc tổn thất (bao gồm, nhưng không giới hạn, thu nhập bị mất hoặc bị mất lợi nhuận và chi phí cơ hội hoặc tổn thất do sơ suất) liên quan đến bất kỳ việc sử dụng Nội dung nào ngay cả khi được thông báo về khả năng xảy ra những thiệt hại đó.

Các phân tích liên quan đến tín dụng và các phân tích khác, bao gồm xếp hạng và các tuyên bố trong Nội dung là các tuyên bố về ý kiến và quan điểm của chúng tôi vào ngày chúng được thể hiện và không phải là tuyên bố về thực tế. Các ý kiến, phân tích và quyết định xác nhận xếp hạng của FiinRatings không phải là các khuyến nghị để mua, nắm giữ hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào hoặc để đưa ra bất kỳ quyết định đầu tư nào và không đề cập đến tính phù hợp của bất kỳ chứng khoán nào. FiinRatings không có nghĩa vụ cập nhật Nội dung sau khi xuất bản dưới bất kỳ hình thức hoặc định dạng nào. Nội dung không nên được dựa vào hoàn toàn vào và không được thay thế cho kỹ năng, khả năng phán đoán và kinh nghiệm của người đọc, cấp quản lý, nhân viên, cố vấn và / hoặc khách hàng khi thực hiện đầu tư và các quyết định kinh doanh khác.

FiinRatings không hoạt động như một tổ chức ủy thác hoặc tư vấn đầu tư. Mặc dù FiinRatings đã thu thập thông tin từ các nguồn mà FiinRatings cho là đáng tin cậy, FiinRatings không thực hiện kiểm tra và không có nghĩa vụ thẩm định hoặc xác minh độc lập bất kỳ thông tin nào mà FiinRatings nhận được. Các ấn phẩm liên quan đến xếp hạng có thể được xuất bản vì nhiều lý do mà không nhất thiết phụ thuộc vào hành động của hội đồng xếp hạng, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc xuất bản bản cập nhật định kỳ về xếp hạng tín dụng và các phân tích liên quan.

FiinRatings từ chối bất kỳ nghĩa vụ nào phát sinh từ việc công bố xếp hạng tín nhiệm này, thu hồi hoặc đình chỉ kết quả xếp hạng tín nhiệm cũng như bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ thiệt hại nào được cho là đã phải gánh chịu vì liên quan đến việc sử dụng kết quả xếp hạng tín nhiệm.

Công ty Cổ phần FiinRatings là công ty con của Công ty Cổ phần FiinGroup Việt Nam chuyên cung cấp dịch vụ xếp hạng tín nhiệm. FiinRatings hoạt động độc lập và tách biệt với các đơn vị kinh doanh khác của FiinGroup nhằm đảm bảo tính độc lập và khách quan của các hoạt động tương ứng. Do đó, FiinRatings có thể có thông tin không có sẵn đối với các đơn vị kinh doanh khác của FiinGroup. FiinRatings đã thiết lập các chính sách và thủ tục để duy trì tính bảo mật của các thông tin không công khai liên quan đến hoạt động xếp hạng tín nhiệm.

FiinRatings có thể nhận được doanh thu cho các xếp hạng và một số phân tích nhất định, thường là từ các tổ chức phát hành hoặc bảo lãnh phát hành chứng khoán hoặc từ những người có nghĩa vụ liên quan. FiinRatings có quyền phổ biến các ý kiến và phân tích của mình. Các phân tích và xếp hạng công khai của FiinRatings được cung cấp trên các trang web của FiinRatings và có thể được phân phối thông qua các phương tiện khác, bao gồm thông qua các ấn phẩm của FiinRatings và các nhà phân phối thuộc bên thứ ba. Thông tin về mức phí dịch vụ Xếp hạng tín nhiệm xin vui lòng tham khảo tại <https://fiingroup.vn/FiinRatings>.

FIINRATINGS, FIIN, và FIINGROUP là các nhãn hiệu đã đăng ký bản quyền thuộc Công ty Cổ Phần FiinGroup Việt Nam